

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2026
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Ngọc Dung;
Ông Nguyễn Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh N, sinh năm 1998 (xin vắng).

Căn cước công dân số: 096198002720; cấp ngày 28/06/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Lê Chí B, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096097010087; cấp ngày 28/06/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng M.

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Huỳnh N trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh N tự nguyện lập gia đình với ông Lê Chí B từ năm 2022 đến nay, có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã T).

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5 năm 2025 thì

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà N có nguyện vọng ra sống riêng, không sống cùng gia đình bên chồng nhưng ông B không đồng ý và đề nghị bà N tiếp tục sống cùng gia đình chồng và làm dâu. Từ đó, vợ chồng thường cãi nhau, không có tiếng nói chung. Bà N và ông B không còn sống chung với nhau từ tháng 05 năm 2025 đến nay. Xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Huỳnh Nhã H, sinh ngày 22/12/2023 (nữ). Hiện con chung đang sống cùng bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung:

+ Về vàng: Quá trình chung sống bà N và ông B có chung 8,5 chỉ vàng 24K. Khi ly hôn bà N yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số vàng, mỗi người nhận 04 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K. Hiện vàng do ông Bảo quản L nên bà N yêu cầu ông B giao cho bà N 04 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K.

+ Về tiền hụi: Quá trình chung sống bà N và ông B có tham gia 01 chân hụi mệnh giá 1.000.000 đồng do ông Nguyễn Hoàng M làm chủ, hụi có 65 chân, bà N, ông B đóng được 30 lần số tiền 30.000.000 đồng. Hiện phần hụi còn sống 35 chân.

Đối với phần đóng vào 30 lần số tiền 30.000.000 đồng bà N yêu cầu ông B giao cho bà số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với phần hụi sống đồng ý giao cho ông B tiếp tục đóng cho chủ hụi, ông B tự nhận, không yêu cầu chia số tiền này.

- Về nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu giải quyết.

Ngày 24/12/2025 bà N có bản tự khai về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung là vàng và tiền hụi.

*** Đối với bị đơn ông Lê Chí B:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông B không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Hoàng M trình bày: Giao dịch hụi giữa ông và vợ chồng bà N, ông B đã thỏa thuận xong nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt, không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh N yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung với ông Lê Chí B nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp xin ly hôn, chia tài sản chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông B cư trú

tại ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Nguyên đơn bà Huỳnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng M có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Đối với ông Lê Chí B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh N và ông Lê Chí B chung sống với nhau vào năm 2022, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau) nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N yêu cầu ly hôn với ông B vì hôn nhân không hòa hợp, hạnh phúc, bất đồng quan điểm trong quan niệm sống. Đối với ông B không có văn bản nêu ý kiến của ông gửi đến Tòa án về việc bà N nộp đơn xin ly hôn. Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn hôn nhân cho ông bà nhưng ông B vẫn không tham gia, chứng tỏ ông B không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, trong khoảng thời gian không sống chung với nhau nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân. Từ đó cho thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huỳnh N được ly hôn với ông Lê Chí B theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Huỳnh Nhã H, sinh ngày 22/12/2023 (nữ). Hiện con chung đang sống cùng bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Xét thấy con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi cần nhiều sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N, giao con chung cho bà N tiếp tục chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Như không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung với ông B đối với 8,5 chỉ vàng 24K và số tiền hụi 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình

chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà N theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, án phí chia tài sản do nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản nên được nhận lại toàn bộ. Nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, sau khi khấu trừ nguyên đơn được nhận lại 1.608.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Như . Cho bà Huỳnh N được ly hôn ông Lê Chí B.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Huỳnh Nhã H, sinh ngày 22/12/2023 (nữ) cho bà Huỳnh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà N với ông B đối với 8,5 chỉ vàng 24K và số tiền hụi 30.000.000 đồng.

- Về công nợ: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 1.908.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003425 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh C được đối trừ, sau khi đối trừ nguyên đơn được nhận lại 1.608.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Ngân